

Bản án số: **161/ 2024/HC-PT**
Ngày: 26-4- 2024
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Vũ Thanh Liêm**

Các Thẩm phán: ông **Trương Công Thi**

ông **Đặng Kim Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 320/2023/TLPT-HC ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 112/2023/HC- ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 543/2024/QĐPT-HC ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

Ông Nguyễn Doãn X; địa chỉ: I L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H; HKTT: Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Có mặt.

- Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H1 – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T – Chức vụ: Phó chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Võ Quang H2 – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Đào Thị T1, sinh năm 1941; HKTT: 09 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở hiện nay: Số D H, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Bích T2, sinh năm 1964

4. Ông Nguyễn Doãn L, sinh năm 1973

5. Ông Nguyễn Doãn L1, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: I L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Đều vắng mặt.

Người kháng cáo: người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị T1; bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ông Nguyễn Doãn X là chủ sử dụng thửa đất số 97, tờ bản đồ số 20, diện tích 7836 m² tại phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk, do U cấp GCN QSDĐ W869507 ngày 21/3/2003, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 349745 QSDĐ/AH.

Ngày 27/10/2022, U đã ban hành Quyết định số 9049/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công trình: Thông tuyến hẻm A Đ, P. T, Tp .. Theo đó, U quyết định thu hồi diện tích 117,3m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm của hộ ông Nguyễn Doãn X thuộc một phần thửa đất số 97, tờ bản đồ số 20, diện tích 7.836m² tại phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.

Cùng ngày 27/10/2022, U tiếp tục ban hành Quyết định số 9050/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Thông tuyến hẻm A Đ, P. T, Tp .. Kèm theo Phương án nói trên là Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Doãn X. Theo đó, diện tích đất bị thu hồi của ông Nguyễn Doãn X là 117,3m² thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 20. Đơn giá đất xác định theo Quyết định số 9119/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của U là 1.600.000 đồng/m² (thành tiền tương ứng là 187.680.000 đồng). Tổng giá trị bồi thường cho ông Nguyễn Doãn X là

188.702.003 đồng (*một trăm tám mươi tám triệu bảy trăm lẻ hai ngàn lẻ ba đồng*).

Trước đó, vào tháng 3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về “Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ”, Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột thành lập với sự tham gia của Phòng T4, Phòng T4 và Phòng T4 đã định giá 100m² đất cùng vị trí, cùng thửa đất số 97, tờ bản đồ số 20 có giá thị trường là 900.000.000 đồng (*chín trăm triệu đồng*).

Phần diện tích đất bị U thu hồi có vị trí mặt tiền đường H H, giá trị đất hiện nay không dưới 10.000.000 đồng/1m². Nếu chuyển mục đích sử dụng sang đất ở thì giá đất còn cao hơn mức giá trên. Do đó, ông Nguyễn Doãn X cho rằng việc U xác định đơn giá bồi thường là 1.600.000 đồng/m² là không đúng giá trị thực tế của đất, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của ông X.

Do đó, ông Nguyễn Doãn X đã làm đơn khởi kiện U, đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 9050/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của U về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Thông tuyến hẻm A Đ, P. T, Tp ..

2. Hủy bỏ một phần giá trị pháp lý Quyết định số 9119/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của U về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình, dự án trên địa bàn thành phố B đối với công trình T3 tuyến hẻm A Đ, P. T, Tp ..

3. Yêu cầu U xác định lại giá đất bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Doãn X sát với giá thị trường để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông X khi thu hồi đất.

- *Quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông Lê Đại T trình bày:*

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-UBND, ngày 26/3/2021 của UBND thành phố về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình; T3 tuyến hẻm A Đ, phường T Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, ATGT.

Căn cứ Quyết định số 6443/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND thành phố về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: Thông tuyến hẻm A Đ, phường T Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, ATGT.

Căn cứ Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt bổ sung dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố B.

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Đ về danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc

gia, công cộng: dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất trồng rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Thông báo số 950/TB-UBND ngày 08/12/2021 của UBND thành phố B về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Thông tuyến hẻm A Đ, phường T, thành phố B;

Kế hoạch số 193/KH-UBND của UBND thành phố B ngày 08/12/2021 về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án thông tuyến hẻm A Đ, phường T, thành phố B;

Ngày 17/02/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chủ trì, phối hợp với UBND, UBMTTQVN, tổ dân phố G phường T và hộ dân có đất bị thu hồi, triển khai công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai và tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình ông Nguyễn Doãn X đang sử dụng.

Sau khi các ngành chuyên môn của UBND thành phố triển khai thực hiện đầy đủ các bước trong công tác thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 27/10/2022 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9050/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Thông tuyến hẻm A Đ, phường T, thành phố B. Theo Quyết định được UBND thành phố phê duyệt số 9050/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 thì hộ ông Nguyễn Doãn X được bồi thường, hỗ trợ với số tiền là 192.853.447 đồng.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Doãn X, UBND Tp có ý kiến như sau:

* Về nguồn gốc đất: Thừa đất số 97, tờ bản đồ số 20: Đất của hộ ông Nguyễn Doãn X được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 869507 ngày 21/3/2003, diện tích 7.836m², tại phường T, thành phố B (mục đích sử dụng trồng cà phê).

- Diện tích đất đo đạc thực tế là 8.419,8m² tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 583,8m² là do sai số giữa hai lần đo đạc, sử dụng ổn định không có tranh chấp, không lấn chiếm.

- Diện tích đất thu hồi 117,3m² đất trồng cây lâu năm đã được cấp GCNQSD đất.

* Bồi thường về đất: Căn cứ khoản 1, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì diện tích đất ông Nguyễn Doãn X nêu trên đủ điều kiện bồi thường về đất.

“Điều 75. Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận

quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này: người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp.”

- Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 9119/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn thành phố B, cụ thể: “Công trình thông tuyến hẻm A Đ, phố B. Đất trồng cây lâu năm, TDP 7, Vị trí 2 phường T giá đất phê duyệt 1.600.000đ/m². Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Doãn X.

- Quá trình giải quyết Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố trình bày:

Ngày 17/02/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chủ trì, phối hợp với UBND, UBMTTQVN, tổ dân phố G phường T và hộ dân có đất bị thu hồi, triển khai công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai và tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình ông Nguyễn Doãn X đang sử dụng.

Sau khi các ngành chuyên môn của UBND thành phố triển khai thực hiện đầy đủ các bước trong công tác thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 27/10/2022 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9050/QĐĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Thông tuyến hẻm A Đ, phường T, thành phố B theo Quyết định được UBND thành phố phê duyệt số 9050/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 thì hộ ông Nguyễn Doãn X được bồi thường, hỗ trợ với số tiền là 192.853.447 đồng.

Về yêu cầu khởi kiện của ông X, Trung tâm phát triển quỹ đất có ý kiến như sau:

* Về nguồn gốc đất: Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 20 diện tích 7.836,0 m² của hộ ông Nguyễn Doãn X đã được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, đất số W 869507 ngày 21/3/2003 (mục đích sử dụng trồng cà phê). Diện tích đất thu hồi 117,3m².

* Bồi thường về đất: Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 thì diện tích đất ông Nguyễn Doãn X đủ điều kiện bồi thường về đất.

- Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 9119/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn thành

phố B, cụ thể: “Công trình thông tuyến hẻm A Đ, thành phố B. Đất trồng cây lâu năm, TDP 7, Vị trí 2 phường T giá đất phê duyệt 1.600.000đ/m². Xét thấy, đơn giá áp dụng theo Quyết định số 9119/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 là đúng quy định đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X.

- ***Quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị Bích T2, ông Nguyễn Doãn L, ông Nguyễn Doãn L1 trình bày:***

Bà Đào Thị T1 và ông Nguyễn Doãn X là cha mẹ chúng tôi. Hộ ông Nguyễn Doãn X có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 97, tờ bản đồ số 20, diện tích 7.836m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/2003, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 349745 QSDĐ/AH. Các thành viên hộ gia đình tại thời điểm được cấp GCNQSDĐ gồm vợ chồng ông Nguyễn Doãn X, bà Đào Thị T1 và con là Nguyễn Thị Bích T2 (sinh năm 1964, Nguyễn Doãn L (sinh năm 1973) và Nguyễn Doãn L1 (sinh năm 1976).

Ngày 27/10/2022, UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để thực hiện công trình: Thông tuyến hẻm A Đ, P. T, thành phố B. Đồng thời cùng ngày 27/10/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9050/QĐ – UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Thông tuyến hẻm A Đ, phường T, thành phố B. Tuy nhiên, gia đình chúng tôi nhận mức giá nhà nước bồi thường khi thu hồi đất là quá thấp, chênh lệch quá lớn so với giá đất thực tế hiện nay.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cả gia đình, chúng tôi đề nghị Tòa án hủy bỏ giá trị pháp lý về Quyết định 9050/QĐ – UBND ngày 27/10/2022 và Quyết định số 9119/QĐ – UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Thông tuyến hẻm A Đ, phường T, thành phố B. Yêu cầu UBND thành phố B xác định và phê duyệt lại giá đất bồi thường.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 112/2023/HC- ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 112; khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 4, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Điều 3 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T5 quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Điều 4; Điều 5; Điều 14 của Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ T6 – Bộ T5 hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Doãn X về việc:

1. Hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 9050/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của U về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Thông tuyến hẻm A Đ, P. T, Tp ..

2. Hủy bỏ một phần giá trị pháp lý Quyết định số 9119/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của U về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình, dự án trên địa bàn thành phố B đối với công trình T3 tuyến hẻm A Đ, P. T, Tp .. (được quy định tại mục V của Bảng phụ lục kèm theo Quyết định số 9119/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của U).

3. Buộc U xác định lại giá đất bồi thường để phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình, dự án trên địa bàn thành phố B đối với công trình T3 tuyến hẻm A Đ, P. T, Tp ..

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/8/2023, người bị kiện UBND thành phố B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Doãn X do bà Nguyễn Thị H đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện UBND thành phố B do ông Lê Đại T đại diện theo ủy quyền thì tại đơn xin xét xử vắng mặt không rút yêu cầu kháng cáo. Tại đơn kháng cáo người bị kiện UBND thành phố B cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Doãn X để hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 9050/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 và Quyết định số 9119/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố B buộc UBND thành phố B xác định lại giá đất bồi thường đối với công trình thông tuyến hẻm A Đ, phường T, thành phố B là không đúng nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị kiện UBND thành phố B có đơn kháng và có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nói trên. Xét đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

2. Về phần nội dung: Xét kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B thì thấy: Bản án sơ thẩm đã nhận định rõ việc thẩm định giá đất bồi thường để thực hiện công trình thông tuyến hầm A Đ đã được thực hiện sai quy trình, trình tự và thủ tục, cụ thể: Việc thẩm định giá đất không do Hội đồng định giá mà do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B thực hiện; Việc dùng thửa đất để so sánh đã quá 02 năm; người được thu thập thông tin không ký vào biên bản; bà Giang Thùy D không có tên trong danh sách thành viên tổ giúp việc nhưng vẫn ký tên vào phiếu khảo sát thu thập thông tin; công trình thông tuyến hầm A Đ, phường T, thành phố B chỉ thể hiện tại phụ lục chứ tại Quyết định số 9119/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố B không thể hiện, việc xác định giá đất không phù hợp nên đã tuyên xử hủy bỏ một phần giá trị pháp lý Quyết định số 9119/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt giá đất...; đồng thời hủy Quyết định số 9050/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố B vì Quyết định này căn cứ vào Quyết định số 9119/QĐ-UBND để ban hành và buộc UBND thành phố B xác định lại giá đất bồi thường là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người bị kiện UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính

1. Bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Điều 112; khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 4, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T5; Điều 4; Điều 5; Điều 14 của Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ T6 – Bộ T5; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Doãn X về việc:

- Hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 9050/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của U về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Thông tuyến hẻm A Đ, P. T, Tp ..

- Hủy bỏ một phần giá trị pháp lý Quyết định số 9119/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của U về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình, dự án trên địa bàn thành phố B đối với công trình T3 tuyến hẻm A Đ, P. T, Tp .. (được quy định tại mục V của Bảng phụ lục kèm theo Quyết định số 9119/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của U).

- Buộc U xác định lại giá đất bồi thường để phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình, dự án trên địa bàn thành phố B đối với công trình T3 tuyến hẻm A Đ, P. T, Tp ..

2. Về án phí: UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ 300.000 đồng UBND thành phố B đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004067 ngày 12/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk; UBND thành phố B còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm